

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hằng.**

2. Ông **Lương Minh Suốt.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Tiểu Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Văn Tài** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tiết Thị Hồng A**, sinh năm 1982. (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Danh Quốc Tr**, sinh năm 1979. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 13/52 ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Tiết Văn S**, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Số 13/52 ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ **Ngân hàng V.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ số 169, Phố L, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Trường G**, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NH huyện M. (có mặt)

Địa chỉ: Số 01, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2018.

3/ **Ngân hàng N** (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên: Cháu **Danh Quốc V**, sinh ngày 30/7/2008 (có mặt)

Địa chỉ: Số 13/52 ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10 tháng 3 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Tiết Thị Hồng A trình bày:

Bà và ông Danh Quốc Tr cưới nhau năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng sống không còn hạnh phúc và hai người sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Quá trình hai người sống chung với nhau có 02 con chung, tên Danh Tiết Diệu T sinh ngày 11/12/1999 nay đến tuổi trưởng thành, Danh Quốc V sinh ngày 30/7/2008 hiện các con đang sống bà A, thời gian sống chung cha bà ông Tiết Văn S có cho vợ chồng bà mượn diện tích đất 100 m² (theo đo đạc thực tế) tại thửa 403, tờ bản đồ số 6 tọa lạc ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để cất nhà ở và vợ chồng cất được 01 căn nhà tường và một số vật kiến trúc trên phần đất này để ở và sinh hoạt gia đình.

Nay bà thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà A thống nhất không công nhận quan hệ chung sống giữa bà và ông Tr là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Do cháu Danh Tiết Diệu T sinh ngày 11/12/1999 nay đến tuổi trưởng thành nên không đặc ra yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu nuôi cháu Danh Quốc V sinh ngày 30/7/2008 đến đủ 18 tuổi trưởng thành và tại Tòa bà xin thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường cất trên đất ông S cho mượn hiện ông Tr đang quản lý bà yêu cầu chia mỗi người hưởng 50% giá trị căn nhà và vật kiến trúc theo giá Hội đồng định giá đã định là 143.655.000đồng, bà yêu cầu được nhận tài sản và hoàn lại cho ông Trung giá trị bằng tiền theo phần ông Tr được chia.

- Về nợ chung: Bà và ông Tr còn nợ tiền vay của Ngân hàng chi nhánh huyện M vốn là 18.000.000đồng, chưa tính lãi. Bà yêu cầu chia đôi mỗi người

trả 50% nợ vốn, lãi vay cho Ngân hàng. Hiện nay phần nghĩa vụ của bà đã thực hiện xong cho Ngân hàng 50% tiền vốn và tiền lãi.

- Về phần đất mượn của ông S để cất nhà bà đồng ý trả lại cho ông S diện tích theo đo đạc thực tế là 100 m² nằm trong diện tích 967,7 m² thửa 403 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng do ông Tiết Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lời trình bày của bị đơn ông Danh Quốc Tr như sau:

Ông Danh Quốc Tr thống nhất với lời trình bày của bà Tiết Thị Hồng A về thời gian hai người cưới nhau vào năm 1998 và không có đăng ký kết hôn, ông và bà A sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình.

Nay về quan hệ hôn nhân: Ông cũng thống nhất không công nhận quan hệ sống chung giữa ông và bà Tiết Thị Hồng A là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà A về Họ tên, ngày tháng năm sinh của các con, cháu Danh Tiết Diệu T đã đến tuổi trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết, ông đồng ý giao cháu Danh Quốc V sinh ngày 30/7/2008 cho bà A trực tiếp nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà và vật kiến trúc xây dựng trên đất ông Tiết Văn S theo bà A trình bày là đúng và ông đang quản lý căn nhà, ông đồng ý giá trị căn nhà và vật kiến trúc theo kết quả Hội đồng định giá đã định là 143.655.000 đồng, ông Tr yêu cầu được chia tài sản. Ông đồng ý giao cho bà A nhận tài sản bằng hiện vật và bà A có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần tài sản mà ông được chia là 71.827.500 đồng.

- Về nợ chung: Về tiền vay Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M theo bà A trình bày là đúng, ông yêu cầu chia đôi phần nợ ông và bà A mỗi người trả 50% vốn, lãi của số nợ trên cho Ngân hàng.

- Đối với phần đất ông S cho rằng cho vợ chồng ông mượn cất nhà, phần này ông không tranh chấp nữa, ông đồng ý trả lại đất cho ông S diện tích theo đo đạc thực tế 100 m², tại thửa 403 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Tiết Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Tiết Văn S trình bày:

Vào năm 2007 ông có cho bà A và ông Tr mượn phần đất diện tích 100 m² (theo đo đạc thực tế) trong thửa 403, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông đồng ý giá đất do Hội đồng định giá định 120.000 đồng/m². Ông yêu cầu bà A và ông Tr trả phần đất này lại cho ông khi vợ chồng ly hôn. Tại phiên tòa bà A và ông Tr thống nhất trả lại phần đất mượn cho ông nên ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Tr và bà A Trả lại phần đất mượn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng V– Chi nhánh huyện M - Người đại diện theo ủy quyền ông phạm Trường G trình bày:

Ông Danh Quốc Tr và bà Tiết Thị Hồng A có vay vốn Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M gồm 02 khế ước số tiền gốc 18.000.000 đồng cụ thể sau:

- Khế ước số 6000006200084913 ngày 14/8/2009, hạn trả 12/7/2013, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất vay 10,8 %/ năm, lãi quá hạn 14,04%/năm.

- Khế ước số 6000006200084914 ngày 23/3/2013, hạn trả 12/3/2018, số tiền vay 8.000.000 đồng, lãi suất vay 10,8 %/năm, lãi quá hạn 14,04%/năm.

Do ông Tr và bà A yêu cầu ly hôn tại Tòa án, ông Phạm Trường G là người đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông Tr và bà A trả nợ vay cho Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M số tiền vốn và lãi phát sinh đến ngày 12/11/2018 là 21.700.000 đồng. Bà A và ông Tr thỏa thuận mỗi người trả 50% vốn và lãi của số nợ vay, việc thỏa thuận trên phía ngân hàng chấp nhận, quá trình giải quyết vụ án bà A đã trả cho Ngân hàng xong phần nợ của bà A, hiện còn lại 50% vốn và lãi vay của số nợ trên mà ông Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng. Nay đại diện cho Ngân hàng V– Chi nhánh huyện M xin thay đổi yêu cầu độc lập và yêu cầu ông Tr trả vốn vay cho Ngân hàng nợ gốc 9.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày 20/11/2018 là 2.596.269 đồng yêu cầu ông Tr trả trước khi có quyết định giải quyết ly hôn của Tòa án.

Tại phiên tòa cháu Danh Quốc V trình bày: Khi cha và mẹ của cháu không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; và có mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa. Ngân hàng N - Chi nhánh xã Th, huyện M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng V - Chi nhánh xã T, huyện M.

Tại phiên tòa ông Tiết Văn S rút lại yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Tr và bà A trả lại phần đất mượn cho ông, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông S.

- Bà Tiết Thị Hồng A xin thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của bà A.

- Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M thay đổi yêu cầu, yêu cầu ông Tr trả 50% nợ vay còn lại vốn và lãi 11.596.269 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr.

Về con chung: giao cho bà A tiếp tục nuôi con chung Danh Quốc V sinh ngày 30/7/2008 đến tuổi trưởng thành. Ông Tr Không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

Về tài sản chung: giá trị căn nhà và vật kiến trúc là 143.655.000 đồng, chia cho bà A và ông Tr mỗi người hưởng 50% giá trị tài sản chung, giao cho bà A sở hữu phần tài sản và hoàn tiền lại cho ông Tr theo phần ông Tr được hưởng.

Về nợ chung: Buộc ông Tr trả nợ vay cho Ngân hàng V số nợ vay còn lại vốn gốc 9.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày 20/11/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng V - Chi nhánh xã T, huyện M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng V - Chi nhánh xã T, huyện M.

Tại phiên tòa:

- Bà Tiết Thị Hồng A xin thay đổi yêu cầu không yêu cầu ông Danh Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà A không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận.

- Đại diện Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M thay đổi yêu cầu độc lập, yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng nợ gốc 9.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 20/11/2018 xét yêu cầu của Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận.

- Ông Tiết Văn S rút lại yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông Tr và bà A trả lại phần đất mượn cho ông diện tích 100 m² trong thửa 403, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, xét thấy việc rút yêu cầu của ông là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Tiết Văn S.

[2] Về nội dung: Việc tranh chấp giữa bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà A và ông Tr cưới nhau năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng sống không còn hạnh phúc và hai

người sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà A và ông Tr là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr thống nhất không công nhận quan hệ chung sống của ông, bà là quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr là có căn cứ pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông Tr có 02 đứa con chung tên Danh Tiết Diệu T sinh ngày 11/12/1999 nay đến tuổi trưởng thành; Danh Quốc V sinh ngày 30/7/2008, hiện các con đang sống với bên bà A, nay cháu Thanh đến tuổi trưởng thành nên ông Tr, bà A không yêu cầu giải quyết, tại tòa ông Tr và bà A thỏa thuận thống nhất giao cho bà A tiếp tục nuôi con chung Danh Quốc V đến tuổi trưởng thành. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của ông Tr và bà A là phù hợp và đúng nguyện vọng của cháu Danh Quốc V nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận nuôi con của ông Tr và bà A. Giao cho bà A tiếp tục nuôi con Danh Quốc V, sinh ngày 30/7/2008 đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Giành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông Danh Quốc Tr không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do Bà Tiết Thị Hồng A không yêu cầu ông Danh Quốc Tr cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét;

[5] Về tài sản chung: Bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr có 01 căn nhà tường và vật kiến trúc diện tích xây dựng $100m^2$ (theo đo đạc thực tế) xây dựng trên một phần đất ông Tiết Văn Scho mượn tại thửa 403, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông S đứng tên quyền sử dụng đất. Căn cứ vào biên bản định giá ngày 04/01/2018 và văn bản định chính ngày 25/6/2018 của Hội đồng định giá huyện M định giá giá trị căn nhà và vật kiến trúc của ông Tr và bà A xây dựng tổng cộng là 143.655.000 đồng. Ông Tr và bà A thống nhất theo giá của Hội đồng định giá và thỏa thuận thống nhất chia mỗi người 50% giá trị tài sản là 71.827.500 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng), trong tổng giá trị tài sản 143.655.000 đồng, thỏa thuận giao bà A nhận hiện vật và hoàn giá trị tài sản cho ông Tr. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận phân chia tài sản của bà A và ông Tr là hợp lý cần ghi nhận.

- Chia cho bà Tiết Thị Hồng A được hưởng: 71.827.500 đồng .

- Chia cho ông Danh Quốc Tr được hưởng: 71.827.500 đồng .

Bà Tiết Thị Hồng A được nhận tài sản gồm:

1-Nhà chính:

+ Kết cấu: Nền gạch men, vách tường, mái tole xi măng, không trần, đỡ mái bê tông, khung cột BTCT.

+ Diện tích: $66,68 m^2$.

2-Nhà vệ sinh:

+ Kết cấu: Nền gạch men, vách tường, mái tole xi măng, đỡ mái gỗ, bồn cầu xi bet.

+ Diện tích 5,44 m².

3-Nền xi măng:

+ Kết cấu: Nền xi măng.

+ Diện tích: 25,16 m².

4-Mái che:

+ Kết cấu: Mái tole sóng vuông, đỡ mái thép hộp.

+ Diện tích: 8,363 m².

(Tổng giá trị tài sản 143.655.000 đồng.)

Ông Danh Quốc Tr có nghĩa vụ giao tài sản trên cho bà Tiết Thị Hồng A (kèm theo biên bản thẩm định, định giá).

Bà Tiết Thị Hồng Ánh có nghĩa vụ hoàn tiền giá trị chia tài sản cho ông Danh Quốc Tr 71.827.500 đồng.

[6] Về nợ chung: Bà Ánh và ông Tr nợ vay tiền Ngân hàng V- Chi nhánh huyện M theo 02 hợp đồng số tiền gốc là 18.000.000 đồng, bà A và ông Tr thỏa thuận mỗi người trả 50% tiền vốn và lãi cho ngân hàng, việc thỏa thuận của bà A và ông Tr được phía Ngân hàng chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà A đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ xong cho Ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M yêu cầu ông Tr trả cho Ngân hàng Tiền vốn vay là: 9.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20/11/2018 là 2.596.269 đồng trước khi bà Ánh và ông Tr Ly hôn. Xét yêu cầu của đại diện Ngân hàng V - Chi nhánh huyện M có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trung có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng V như sau:

Tiền vốn gốc: 9.000.000.đồng; tiền lãi tính đến ngày 20/11/2018 là 2.596.269đồng.

[7] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án dân sự phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Ánh và ông Trung phải chịu án theo qui định pháp luật.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá: Tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.896.750 đồng. bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr mỗi người chịu 50% chi phí thẩm định, định giá là 948.375 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 144; khoản 4 điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 305 Luật thương mại.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr.

2. Về con chung: Giao cho bà A tiếp tục nuôi con Danh Quốc V, sinh ngày 30/7/2008 đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Giành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông Danh Quốc Tr không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do Bà Tiết Thị Hồng A không yêu cầu ông Danh Quốc Tr cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét;

4. Về tài sản chung: Bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr có 01 căn nhà tường và vật kiến trúc diện tích xây dựng 100m² (theo đo đạc thực tế) trên một phần đất ông Tiết Văn S cho mượn tại thửa 403, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông S đứng tên quyền sử dụng đất, tổng giá trị tài sản là 143.655.000 đồng, bà A và ông Tr mỗi người được chia 50% giá trị tài sản như sau:

- Chia cho bà Tiết Thị Hồng A được hưởng: 71.827.500 đồng .

- Chia cho ông Danh Quốc Tr được hưởng: 71.827.500 đồng .

Bà Tiết Thị Hồng A được nhận tài sản gồm:

1-Nhà chính:

+ Kết cấu: Nền gạch men, vách tường, mái tole xi măng, không trần, đỡ mái bê tông, khung cột BTCT.

+ Diện tích: 66,68 m² .

2-Nhà vệ sinh:

+ Kết cấu: Nền gạch men, vách tường, mái tole xi măng, đỡ mái gỗ, bồn cầu xi bet.

+ Diện tích 5,44 m² .

3-Nền xi măng:

+ Kết cấu: Nền xi măng.

+ Diện tích: 25,16 m².

4-Mái che:

+ Kết cấu: Mái tole sóng vuông, đỡ mái thép hộp.

+ Diện tích: 8,363 m².

(Tổng giá trị tài sản 143.655.000 đồng.)

Ông Danh Quốc Tr có nghĩa vụ giao tài sản trên cho bà Tiết Thị Hồng A (kèm theo biên bản thẩm định, định giá).

Bà Tiết Thị Hồng A có nghĩa vụ hoàn tiền giá trị chia tài sản cho ông Danh Quốc Tr 71.827.500 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

5. Về nợ chung: Ông Danh Quốc Tr có nghĩa vụ trả tiền vay của Ngân hàng V tiền vốn gốc và lãi: 11.596.269 đồng (Mười một triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày 21/11/2018 ông Tr còn phải trả lãi cho Ngân hàng V theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng trên số tiền vốn chưa thanh toán đến khi trả dứt nợ.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Tiết Văn S về việc yêu cầu bà Ánh, ông Trung trả lại đất mượn diện tích 100 m² (theo đo đạc thực tế) trong thửa 403, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng Đông: giáp đất bà Thái Thị Ngọc H số đo 25,63m (tính từ mép lộ đường bê tông).

- Hướng Tây: giáp đất ông Tiết Văn S số đo 23,13m + 2,55m (tính từ mép lộ bê tông).

- Hướng Nam: giáp đường bê tông số đo 4,16m.

- Hướng Bắc: giáp đất ông Tiết Văn S số đo 2,54m + 1,16m.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Tiết Thị Hồng A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; án phí chia tài sản chung 3.591.375 đồng. Tổng số tiền án phí phải chịu là 3.891.375 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng theo biên lai thu số 0005213 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên như vậy bà A còn phải nộp thêm tiền án phí là: 3.266.375 đồng.

- Bị đơn ông Danh Quốc Tr phải chịu án phí chia tài sản chung 3.591.375 đồng; án phí dân sự có giá ngạch là 579.813 đồng. Tổng số tiền án phí phải chịu là: 4.189.188 đồng

- Ông Tiết Văn S được trả lại tiền nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005256 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

- Ngân hàng V là đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

8. Về chi phí thẩm định, định giá: Tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.896.750 đồng. bà Tiết Thị Hồng A và ông Danh Quốc Tr mỗi người chịu 50% chi phí thẩm định, định giá là 948.375 đồng. Do phía bà A nộp tạm ứng trước số tiền chi phí này nên ông Tr có nghĩa vụ hoàn lại cho bà A số tiền chi phí thẩm định, định giá là 948.375 đồng.

Các khoản ghi trong quyết định được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Út